

Trường: Trường MN Hoa Phượng Vàng

Bộ phận: Bán trú

BẢNG CÔNG KHAI THỰC PHẨM HÀNG NGÀY

Ngày:

31/10/2025

Số học sinh:

421

phần ăn/ngày

24.000 đ

Tiền tồn ngày hôm trước chuyển qua	Thu trong ngày	Tổng thu	Chi tiền ăn (23.600đ)	Nước uống HS (400đ)	Tổng chi
-	10.104.000	10.104.000	9.935.600	168.400	10.104.000
STT	Tên thực phẩm/gia vị, khác...	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền
	Gia vị				240.696
1	Muối hạt	Kg	0,50	6.000	3.000
2	Muối I ốt	Kg	0,40	6.000	2.400
3	Nước mắm	Lít	1,00	18.296	18.296
4	Đường	Kg	0,50	27.000	13.500
5	Bột ngọt 1,8 kg	Kg	0,50	122.000	61.000
6	Hạt nêm	Kg	0,40	106.000	42.400
7	Dầu ăn	Lít	1,00	50.000	50.000
8	Bột canh	Kg	0,30	22.000	6.600
9	Hành khô	Kg	0,30	87.000	26.100
10	Tỏi	Kg	0,20	87.000	17.400
	Bữa trưa				8.009.344
1	Gạo trắng	Kg	37,89	18.000	682.020
2	Thịt bò	Kg	24,40	245.000	5.978.000
3	Xương heo	Kg	5,00	100.000	500.000
4	Khoai tây	Kg	7,00	22.000	154.000
5	Cà rốt	Kg	7,00	22.000	154.000
6	Bí đỏ	Kg	30,00	16.000	480.000
7	Sả	Kg	0,50	15.000	7.500
8	Gia vị bò kho	Gói	4,00	12.000	48.000
9	Hành lá	Kg	0,23296	25.000	5.824
	Bữa Xế				1.685.560
1	Xương heo	Kg	13,00	100.000	1.300.000
2	Bí đỏ	Kg	6,00	16.000	96.000
3	Khoai tây	Kg	2,00	22.000	44.000
4	Đậu xanh	Kg	2,00	47.000	94.000
5	Gạo cháo	Kg	8,42	18.000	151.560
Cộng chi ăn trong ngày					9.935.600

Bằng chữ: Chín triệu chín trăm ba mươi lăm ngàn sáu trăm đồng

Tồn cuối ngày:

- Đ

Hiệu trưởng

Phụ trách bán trú

Kế Toán

Người lập bảng

Lê Thị Nguyên

Vũ Thị Thanh Thúy

Đào Thị Thúy Hằng

Nguyễn Thị Hồng Nghĩa